TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN N** THÀNH PHỐ C	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2022/DSST
Ngày: 25/4/2023
V/v: Tranh chấp HĐ vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N, THÀNH PHỐ C

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Cao Thị Thanh Trúc**
- *Các Hội thẩm nhân dân*: - Ông **Nguyễn Tấn Triều.**
- Bà **Nguyễn Thị Ngọc Thu.**
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Bà **Trần Thị Kiều Trang** – Cán bộ Tòa án nhân dân quận N.

Ngày 25 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N, thành phố C xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 592/2022/TLST-DSST ngày 21 tháng 12 năm 2022 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 151/2023/QĐST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2023/QĐST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Ông **Phạm Thế H**, sinh năm 1954.

Địa chỉ: 174A/5 KV 1, Trần Vĩnh K, P. An B, Q. N, Tp. C.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông **Nguyễn Minh T** – Theo giấy ủy quyền ngày 28 tháng 12 năm 2022.

**** Bị đơn*:** Bà **Nguyễn Thị Thúy H2**, sinh năm 1978 và ông **Lâm Hữu Trường K**, sinh năm 1971

Địa chỉ: 2/8 đường 3/2, KV 6, P. Hưng L, Q. N, Tp. C

(Đại diện nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 11 năm 2022 và quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Thế H là ông Nguyễn Minh T trình bày:*** Do có mối quan hệ quen biết. Vào ngày 22/9/2018 ông H có cho vợ

chồng bà Nguyễn Thị Thúy H2, ông Lâm Hữu Trường K vay số tiền là 300.000.000 đồng (*ba trăm triệu đồng*) với thời hạn vay là 06 tháng, lãi suất thỏa thuận là 1%/tháng. Việc cho vay có lập biên nhận là*" Đơn vay tiền ngày 22/9/2018"*. Đơn vay tiền là do bà H2 viết và ký tên, bà H2 viết nhầm tên ông Phạm Thế H là Phạm Thế N do sơ ý ông H không phát hiện. Khi vay phía bà H2 có thế chấp cho nguyên đơn 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Lâm Hữu Trường K, thửa đất số 301 tờ bản đồ số 45, số vào sổ cấp GCN: CS0666 do Sở tài nguyên & môi trường thành phố C cấp ngày 30/09/2016.

Từ khi vay đến nay bị đơn chỉ đóng tiền lãi được tháng đầu tiên rồi ngưng. Tiền vốn vẫn chưa trả.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông K, bà H2 trả 300.000.000 đồng nợ vốn và lãi suất 1% tạm tính từ ngày 22/10/2018 đến ngày 22/10/2021 bằng 37 tháng bằng số tiền 111.000.000đồng.

**** Về phía bị đơn:*** quá trình giải quyết vụ kiện bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy H2 và ông Lâm Hữu Trường K luôn vắng mặt. Sau khi tiến hành đầy đủ các thủ tục niêm yết theo quy định, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chỉ yêu cầu bà H2 trả số tiền vay do chỉ có bà H2 ký vào giấy vay tiền ngày 22/9/2018, ông K không ký. Tiền lãi yêu cầu từ ngày 22/10/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm tính tròn 53 tháng bằng số tiền 159.000.000đồng. Như vậy vốn và lãi là 459.000.000đồng. Khi nào bà H2 trả xong số nợ vay, nguyên đơn sẽ trả lại bản gốc giấy chứng nhận QSD đất đã nhận của bà H2, ông K.

Bị đơn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn. Xét đây là quan hệ "*Tranh chấp hợp vay tài sản*" được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ kiện Tòa án tiến hành triệu tập đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy H2 và ông Lâm Hữu Trường K tuy nhiên bà H2, ông K luôn vắng mặt. Do vậy sau khi tiến hành đầy đủ các thủ tục niêm yết theo quy định. Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà H2 và ông K là phù hợp với quy định tại các Điều 179 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về căn cứ khởi kiện: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Thế H về việc yêu cầu bị đơn trả số nợ là 300.000.000 đồng:

Chứng cứ mà nguyên đơn chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là "*Đơn vay tiền lập ngày 22/9/2018*". Nội dung đơn vay tiền thể hiện bà Nguyễn Thị Thúy H2 có vay của ông Phạm Thế N số tiền là 300.000.000 đồng. Thời hạn vay là 6 tháng. Theo đại diện nguyên đơn trình bày là do bà H2 viết nhầm tên ông Phạm Thế H là Phạm Thế N. Căn cứ theo thông tin tại đơn vay tiền thì ông Phạm Thế N sinh năm 1954, Số CMND – 360021736 cấp ngày 31/3/1978. Thông tin này phù hợp với CMND cấp cho ông Phạm Thế H nên có căn cứ xác định tên Phạm Thế N tại đơn vay tiền ngày 22/9/2018 là ông Phạm Thế H.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền nguyên đơn chỉ yêu cầu bà H2 trả số tiền đã vay, không yêu cầu ông K cùng trả bởi lẻ giấy vay tiền chỉ mình bà H2 ký. Nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà H2, ông K là vợ chồng cũng như không chứng minh được số tiền vay dùng sử dụng chung cho bà H2 và ông K. Xét đây là ý chí tự nguyện của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và phù hợp với pháp luật nên ghi nhận.

Quá trình giải quyết Tòa án có triệu tập bà H2 nhiều lần để hòa giải, đối chất làm rỏ nội dung tranh chấp nhưng bà H2 luôn vắng mặt không lý do. Với chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp đủ cơ sở xác định bà H2 có vay của ông Phạm Thế H số tiền là 300.000.000 đồng. Do vậy cần buộc bà H2 trả số tiền này cho ông H.

[4] Về lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất 1%/tháng là phù hợp quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự nên có căn cứ chấp nhận. Tính từ ngày 22/10/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (25/4/2023) tính tròn 53 tháng như nguyên đơn yêu cầu là phù hợp.

Tiền lãi là: 53 tháng x 1%/tháng x 300.000.000 đồng = 159.000.000 đồng.

Tổng cộng vốn, lãi là 459.000.000đồng.

[5] Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn ông về trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Lâm Hữu Trường K sau khi bị đơn hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn.

[6] Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Do nguyên đơn thuộc đối tượng được miễn tạm ứng án phí sơ thẩm nên không điều chỉnh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 26, 35, 147, 179, 227 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 463, Điều 466, Điều 468; khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao.

Tuyên án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Thế H.

1. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy H2 phải trả cho nguyên đơn ông Phạm Thế H số tiền vốn là 300.000.000 đồng và lãi là 159.000.000 đồng. Tổng cộng vốn lãi là 459.000.000 đồng (*Bốn trăm năm mươi chín triệu đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thị Thúy H2 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Phạm Thế H về việc trả lại cho bà H2, ông K bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 301 tờ bản đồ số 45, số vào sổ cấp GCN: CS0666 do Sở tài nguyên & môi trường thành phố C cấp ngày 30/09/2016 tên Lâm Hữu Trường K sau khi bà H2 thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho ông H.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy H2 phải chịu 22.360.000 đồng án phí vụ kiện.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa cấp trên xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- TAND TP. C "Để báo cáo".
- VKSND Q. N "Để theo dõi".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Các đương sự "Để biết".
- Chi cục THADS Q. N "Để thi hành".
- Lưu hồ sơ Dân sự.

Cao Thị Thanh Trúc